**Tiết 76:**

**Thực hành Tiếng Việt:**

**Nghĩa của từ, từ ghép và từ láy; cụm từ; biện pháp tu từ.**

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức:

- Củng cố cho học sinh đặc điểm về nghĩa của từ, từ ghép và từ láy

- Củng cố và phát triển các kiến thức về cụm từ; biện pháp tu từ

2. Kĩ năng:

- Rèn kĩ năng nhận diện, phân loại, phân tích cấu tạo của cụm từ

- Viết đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, cụm từ và các biện pháp tu từ.

3. Thái độ:

***-*** Nghiêm túc và tích cực trong học tập và hợp tác trong học tập

4. Năng lực: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo....

**II. Tiến trình lên lớp**

**Câu hỏi trắc nghiệm**

**NGHĨA CỦA TỪ**

**Câu 1.** **Chỉ ra cách hiểu đầy đủ nhất về nghĩa của từ ?**

A. Nghĩa của từ là nghĩa sự vật mà từ biểu thị

B. Nghĩa của từ là sự vật, tính chất mà từ biểu thị

C. Nghĩa của từ là sự vật, tính chất, hoạt động mà từ biểu thị

D. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị

**Câu 2.** **Từ bao gồm mấy phần ?**

A. Gồm ba phần: nghĩa, hình thức âm đọc, nội dung

B. Gồm hai phần: nội dung và hình thức

C. Gồm một phần: nội dung từ biểu đạt

D. Không phân chia được

**Câu 3.** **Cách giải thích thế nào về nghĩa của từ không đúng?**

A. Đọc nhiều lần là từ cần được giải thích

B. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị

C. Dùng từ đồng nghĩa để giải thích

D. Dùng từ trái nghĩa để giải thích

**Câu 4.** **Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau : Bác Hồ đã .... để lại muôn vàn nỗi nhớ thương cho con cháu của Người.**

A. Đi nhanh B. Đi dạo

C. Đi xa D. Đi khuất

**Câu 5. Lựa chọn đáp án thích hợp để giải thích chính xác nghĩa của các từ “học hành”**

Nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.

Học và luyện tập để có hiểu biết và có kỹ năng.

Học văn hóa có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát)

Tìm tòi, hỏi han để học tập.

**Cấu 6. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau : Xe tôi bị hỏng vì vậy  tôi...đi bộ đi học.**

A. Bị B. Được

C. Cần D. Phải

**Câu 7.** **Khi giải thích nghĩa của từ trung niên: “*người đã quá tuổi thanh niên nhưng chưa già*”được giải thích theo cách nào?**

A. Dùng từ trái nghĩa với từ được giải thích

B. Dùng từ đồng nghĩa với từ được giải thích

C. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị

D. Miêu tả hành động kết hợp với trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

**Câu 8.** **Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau : Nó...mẹ mắng vì tội không làm bài tập."**

A. Được B. Bị

C. Đã D. Không đáp án nào đúng

**Câu 9.** **Học lỏm có nghĩa là?**

A. Nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.

B. Học và luyện tập để có hiểu biết và có kỹ năng.

C. Học văn hóa có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát)

D. Tìm tòi, hỏi han để học tập.

**Câu 10.** **Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau : Tôi nghĩ bài kiểm tra sáng nay...rồi, chắc không được nổi 5 điểm."**

A. Hỏng B. Tốt

C. Hoàn hảo D. Hư

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **ĐA** | **D** | **B** | **A** | **C** | **B** | **D** | **C** | **B** | **A** | **A** |

**TỪ GHÉP**

**Câu 1.** **Từ ghép có mấy loại?**

A. 2 B. 3

C. 4 D. 5

**Câu 2.** **Từ ghép là những từ như thế nào?**

A. Hai từ ghép lại với nhau

B. Hai từ ghép lại với nhau trong đó có một từ chính và một từ phụ

C. Hai tiếng trở lên ghép lại với nhau, có quan hệ với nhau về mặt ý nghĩa

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 3. Dòng nào nêu đúng đặc điểm của từ ghép chính phụ?**

A. Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa.

B. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính cấu tạo nên từ ghép đó.

C. Từ ghép chính phụ gồm hai tiếng: tiếng chính và tiếng phụ.

D. Đáp án A và B.

**Câu 4. Từ ghép đẳng lập là từ như thế nào?**

A. Từ có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp.

B. Từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính.

C. Từ có hai tiếng có nghĩa.

D. Từ được tạo ra từ một tiếng có nghĩa.

**Câu 5.** **Từ:" học hành " thuộc loại từ nào?**

A. Từ láy B. Từ ghép đẳng lập

C. Từ ghép chính phụ D. Không phải 3 loại trên

**Câu 6.** **Từ '' sách giáo khoa'' là từ ghép gì?**

A. Đẳng lập B. Chính phụ

C. Vừa đẳng lập, vừa là chính phụ D. Cả 3 đáp án trên đều sai

**Câu 7. Chọn dãy từ ghép chính phụ đúng**

A. Sách vở, giáo viên, học sinh.

B. Xe cộ, xe đạp, xe máy.

C. Sung sướng, xe máy, nhà cửa.

D. Cá chép, cá mè , cá trắm.

**Câu 8. Trong các từ sau, từ nào không phải là từ ghép đẳng lập?**

A. Cảm nhận. B. Bàn ghế.

C. Sẵn sang D. Quần áo.

**Câu 9. Tiếng nào thêm vào sau tiếng *“núi”*để tạo từ ghép đẳng lập**

A. Sông B. Bạch Mã

C. Thái Sơn D. Cao

**Câu 10. Đoạn văn dưới đây có bao nhiêu từ ghép:**

Khi đã khôn lớn, trưởng thành, khi các cuộc đấu tranh đã tôi luyện con thành người dũng cảm, có thể có lúc con sẽ mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, được mẹ dang tay ra đón vào lòng. Dù có lớn khôn, khỏe mạnh thế nào đi chăng nữa, con sẽ vẫn tự thấy mình chỉ là một đứa trẻ tội nghiệp, yếu đuối và không được chở che.  
 ( Tp “Mẹ tôi”- Ét-môn-đô đơ A-mi-xi)

1. 3 từ B. 4 từ
2. 5 từ D. 12 từ

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
|  | **A** | **C** | **D** | **A** | **B** | **B** | **D** | **C** | **A** | **D** |

**TỪ LÁY**

**Câu 1. Từ láy là gì?**

A. Từ láy là từ có các tiếng được ghép lại với nhau tạo thành

B. Từ láy là từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn, hoặc biến đổi thanh điệu và phụ âm cuối, giống nhau phần phụ âm đầu hoặc phần vần

C. Trong các tiếng của từ láy có 1 tiếng có nghĩa hoặc tất cả đều không có nghĩa nhưng khi ghép lại thành một từ có nghĩa.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2. Từ láy được phân thành mấy loại?**

A. Hai loại B. Ba loại

C. Bốn loại D. Không thể phân loại được

**Câu 3. Đọc văn bản sau và xác định số lượng từ láy xuất hiện trong đoạn:**

Hằng năm, vào cữ hạ sớm này, người Hà Nội lại được hưởng những cơn mưa lá sấu vàng ào ạt rơi trong hương sấu dìu dịu, thơm thơm. Hương lá dịu dàng ướp cả bầu không khí tinh khôi khiến ta những muốn hít thật sâu cho căng tràn lồng ngực. Sau lúc lá rụng là cữ sấu ra hoa. Những mảng hoa hình sao màu trắng sữa chao nghiêng trong gió, đậu xuống mái tóc các cô gái, lấm tấm khắp cả mặt đường.  
 Giống như hoa sữa mùa thu, cành đào ngày Tết, cây sấu Hà Nội gợi nhớ, gợi thương trong tấm lòng người xa xứ.

(Tạ Việt Anh, Hà Nội tạp văn)

A. 4 từ B. 5 từ

C. 6 từ D. 7 từ

**Câu 4. Trong các nhóm từ sau, nhóm nào đều là từ láy?**

A. Thịt thà, chùa chiền, ngào ngạt

B. Cây cỏ, hòa hoãn, mũm mĩm

C. Róc rách, réo rắt, sắp xếp.

D. Nho nhỏ, xanh xao, vàng vọt

**Câu 5. Dòng nào sau đây chỉ gồm những từ láy bộ phận?**

A. Xanh xanh, tưng bừng, đẹp đẽ, thoăn thoắt, om om.

B. Bừng bừng, í ới, ủn ỉn, loanh quanh, xanh xanh.

C. Xanh xanh, xinh xinh, đèm đẹp, lao xao, cao cao.

D. Xinh xắn, tưng bừng, đì đùng, hì hục, lan man.

**Câu 6. Tìm từ láy trong câu sau:** *“Mặt mũi nó lúc nào cũng nhăn nhó như bà già đau khổ ”?*

A. Mặt mũi B. Nhăn nhó

C. Bà già D. Đau khổ

**Câu 7. Từ nào không phải từ láy?**

A. Khù khờ B. Rực rỡ

C. Rắn chắc D. Chập chững

**Câu 8. Nhóm từ láy có vần *“ấp”* trong các từ *nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh* gợi tả:**

A. Những âm thanh, hình dáng nhỏ bé.

B. Chỉ sự vật không vững vàng, không chắc chắn.

C. Những hình ảnh, động tác lên xuống một cách liên tiếp.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

**Câu 9. Tìm từ láy trong các từ dưới đây?**

A. Tươi tắn. B Tươi đẹp. C. Tươi tốt. D. Tươi thắm

**Câu 10. Từ láy nằm trong nhóm từ nào dưới đây?**

A. Từ đơn. B. Từ phức. C. Từ ghép. D. Các đáp án trên đều sai.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **ĐA** | **D** | **A** | **B** | **D** | **D** | **B** | **C** | **C** | **A** | **B** |

**BPTT NHÂN HÓA**

**Câu 1:** Nhân hóa là gì?

**A. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật**

B. Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng với nhau

C. Gọi tên sự vật, hiện tượng này, bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương cận

D. Làm sự vật trở nên sống động hơn, khác lạ hơn.

**Câu 2:** Có mấy kiểu nhân hóa thường gặp?

**A. 3 kiểu** B. 4 kiểuC. 5 kiểu D. 6 kiểu

**Câu 3:** Cho biết câu: “Tre xung phong vào xe tăng đại bác, tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, tre hi sinh để bảo vệc con người” được tạo ra bằng cách nào?

A. Dùng từ vốn gọi người để gọi vật

**B. Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật**

C. Trò chuyện, xưng hô với vật như với người

D. Ẩn dụ tình cảm, nỗi nhớ thương người yêu

**Câu 4:** Câu “Từ đó lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại sống thân mật với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả” có bao nhiêu từ được sử dụng với phép nhân hóa?

**A. 4 danh từ** B. 7 danh từ C. 6 danh từ D. 9 danh từ

**Câu 5:** Chọn các từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất của cây cối, đồ vật và loài vật trong các câu dưới đây:

“Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước”.

A. Cổ thụ; chòm B. Mãnh liệt **C. Mãnh liệt; trầm ngâm** D. Trầm ngâm

**Câu 6:** Hình ảnh nào sau đây không phải hình ảnh nhân hóa?

A. Trâu ơi, ta bảo trâu này / Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta

B. Trên cành cao, những chú chim đua nhau hót mừng mùa xuân.

C. Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

**D. Anh mang lá thư, đặt nhẹ vào tay cô gái.**

**ĐÁP ÁN:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **ĐA** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **D** |

**BPTT HOÁN DỤ**

**Câu 1.** Hoán dụ là gì?

A. Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác

B. Là đối chiếu tên sự vật hiện tượng này với tên sự vật hiện tượng khác

**C. Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên, sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt**

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2.** Có mấy kiểu hoán dụ cơ bản?

**A. Có bốn loại hoán dụ**

B. Có năm loại hoán dụ

C. Có sáu loại hoán dụ

D. Có bảy loại hoán dụ

( Bốn kiểu hoán dụ thường gặp: lấy bộ phận để gọi toàn thể, lấy vật chứa đựng gọi vật bị chứa đựng, lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật, lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng)

**Câu 3.** Câu “Vì lợi ích mười năm trồng cây / Vì lợi ích trăm năm trồng người” sử dụng phép hoán dụ nào?

A. Phép hoán dụ lấy bộ phận gọi tên toàn thể

B. Phép hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

C. Phép hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật

**D. Phép hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi tên cái trừu tượng**

**Câu 4.** Trong câu ca dao, từ “mồ hôi” hoán dụ cho sự vật gì:

                                  Mồ hôi mà đổ xuống đồng

                         Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương

A. Chỉ người lao động

B. Chỉ công việc lao động

C. Chỉ quá trình lao động nặng nhọc, vất vả

**D. Chỉ kết quả con người thu được trong lao động**

**Câu 5.** Trong những trường hợp sau, trường hợp nào không dùng phép hoán dụ?

A. Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

B. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

**C. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác**

D. Ngày Huế đổ máu

     Chú Hà Nội về

**Câu 6.** Câu thơ sau sử dụng phép hoán dụ nào?

Một trái tim lớn lao đã giã từ cuộc đời

Một khối óc lớn đã ngừng sống

**A. Lấy bộ phận để chỉ toàn thể**

B. Lấy cụ thể để chỉ trừu tượng

C. Lấy dấu hiệu để gọi đối tượng

D. Lấy vật chứa đựng để gọi toàn thể

**Câu 7.** Hai câu thơ dưới đây thuộc kiểu hoán dụ nào?

                              Vì sao? Trái đất nặng ân tình

                              Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh

A. Lấy bộ phận để gọi toàn thể

B. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

C. Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật

**D. Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng**

**Câu 8.** Câu thơ “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” thuộc kiểu hoán dụ nào?

**A. Lấy bộ phận để gọi toàn thể** → Má hồng: chỉ người con gái trẻ đẹp

B. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

C. Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật

D. Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

**Câu 9.** Trong câu thơ dưới đây, sử dụng biện pháp hoán dụ mượn bộ phận để nói cái toàn thể, đúng hay sai?

                                      Bàn tay ta làm nên tất cả

                              Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

**A. Đúng** B. Sai

→ Mượn hình ảnh bàn tay để chỉ sức lao động của con người.

**Câu 10.** Trong câu “Nó là chân sút cừ của đội bóng” từ “chân sút cừ” sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, đúng hay sai?

A. Đúng **B. Sai**

→ “Chân sút cừ” biện pháp hoán dụ, lấy bộ phận để chỉ toàn thể, lấy hình ảnh chân sút để chỉ cả một cá nhân

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **ĐA** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **A** | **D** | **A** | **A** | **B** |

**BPTT SO SÁNH**

**Câu 1:** So sánh là gì?

**A. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng, làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt**

B. Là mang hai đối tượng ra so sánh với nhau

C. Là hai sự vật, hiện tượng có nhiều nét tương đồng với nhau

D. Hai sự vật, hiện tượng có nhiều nét tương cận với nhau

**Câu 2:** Có những kiểu so sánh nào?

A. So sánh tương đồng và so sánh tương hỗ.

**B. So sánh ngang bằng, so sánh không ngang bằng.**

C. So sánh hơn, so sánh kém, so sánh nhất.

D. So sánh hơn, so sánh kém.

**Câu 3:** Nội dung câu: “Trẻ em như búp trên cành/ Biết ăn biết ngủ biết học hành là ngoan” là gì?

A. Khen ngợi trẻ em biết ăn, biết chơi

B. Trẻ em là những người nhỏ bé, yếu đuối cần được bảo vệ chăm sóc

C. Trẻ em cần được tạo điều kiện ăn, chơi, học tập

**D. Cả B và C**

***Cho đoạn thơ sau trả lời cho câu hỏi từ 4-6***

Cổ tay em trắng…

Đôi mắt em liếc … dao cao

Miệng cười… hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể ….

**Câu 4:** Điền vào chỗ còn trống trong đoạn thơ trên:

A. trắng- nhìn-giống-màu đỏ

B. tinh - giống - chúm chím -  rất đẹp

**C. như ngà- như là- như thể- hoa sen**

D. như ngà- như là- giống là- xinh xinh

**Câu 5:** Sau khi hoàn thành vào chỗ trống của đoạn thơ, có bao nhiêu so sánh trong các câu thơ trên?

A. Ba **B. Bốn** C. Năm D. Sáu

**Câu 6:** Tác dụng của phép so sánh trong câu thơ trên là gì?

**A. Gợi hình, biểu cảm, miêu tả sự vật, sự việc cụ thể, sinh động**

B. Chỉ có tác dụng làm rõ hình thức bên ngoài của đối tượng được miêu tả

C. Làm cho câu văn trở nên hơi đưa đẩy và bóng bẩy.

D. Không có tác dụng gợi cảm.

**Câu 7:***" Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẻ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ."*

(Trích tp “Sông nước Cà Mau” của Võ Quảng)

Trong đoạn văn trên, tác giả đã mấy lần sử dụng phép so sánh?

**A. Bốn lần.** B. Hai lần. C. Năm lần. D. Ba lần.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **ĐA** | **A** | **B** | **D** | **C** | **B** | **A** | **A** |

**BPTT ẨN DỤ**

**Câu 1:**  Ẩn dụ là gì?

**A. Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó làm tăng sức gợi hình, gợi cảm**

B. Là đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác

C. Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương cận

D. Không xác định được

**Câu 2:** Phép ẩn dụ giống phép so sánh ở chỗ

A. Nó gồm hai loại là: ẩn dụ ngang bằng và ẩn dụ không ngang bằng

B. Nó là sự đối chiếu để tìm ra nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng

**C. Nó giúp cho câu nói có tính hình tượng, biểu cảm hơn so với cách nói bình thường**

D. Tất cả các ý trên đúng

**Câu 3:** Có mấy kiểu ẩn dụ thường gặp?

A. Ẩn dụ hình thức, cách thức B. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

C. Ẩn dụ phẩm chất **D. Cả ba đáp án trên**

**Câu 4:** Câu thơ nào dưới đây sử dụng phép ẩn dụ?

A. Bác vẫn ngồi đinh ninh. B. Bóng Bác cao lồng lộng.

**C. Người Cha mái tóc bạc.** D. Chú cứ việc ngủ ngon.

**Câu 5***:  "Vân xem trang trọng khác vời.*

*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da"*

Trong đoạn thơ trên, có những hình ảnh nào được sử dụng theo lối ẩn dụ?

A. Khuôn trăng, nét ngài, mây, tuyết.

B. Hoa cười, ngọc thốt, mây thua, tuyết nhường.

C. Khuôn trăng, nét ngài, nước tóc, màu da.

**D. Khuôn trăng, nét ngài, hoa cười, ngọc thốt.**

**Câu 6:** Câu thơ: “Một tiếng chim kêu sáng cả rừng” thuộc kiểu ẩn dụ nào?

A. Ẩn dụ hình thức B. Ẩn dụ cách thức

C. Ẩn dụ phẩm chất **D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác**

**Câu 7:** Hình ảnh mặt trời nào được dùng theo lối nói ẩn dụ

A. Mặt trời mọc ở đằng đông

B. Thấy anh như thấy mặt trời/ Chói chang khó nói, trao lời khó trao

**C. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng/ Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.**

D. Bác như ánh mặt trời xua màn đêm giá lạnh.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **ĐA** | **A** | **C** | **D** | **C** | **D** | **D** | **C** |

**CỤM DANH TỪ**

**Câu 1:** Cụm danh từ là gì?

A. Còn được gọi là ngữ danh từ, nhóm danh từ, danh ngữ

B. Là một tập hợp do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành

C. Cụm danh từ có ý nghĩa cụ thể, chi tiết hơn, có cấu tạo phức tạp hơn

**D. Cả 3 đáp án trên**

**Câu 2:** Dòng nào dưới đây nêu đúng mô hình cấu trúc của cụm danh từ?

A. Cụm danh từ có mô hình cấu trúc phức tạp

B. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có mô hình gồm 2 phần: phần phụ trước và phần trung tâm

C. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có 2 phần: phần trung tâm và phần phụ sau

**D. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có mô hình cấu trúc gồm 3 phần: phần trước, phần trung tâm, phần sau**

**Câu 3:**  Dòng nào dưới đây là cụm danh từ?

A. "Sáng le lói dưới mặt hồ xanh". B. "Đã chìm đáy nước".

**C. "Một con rùa lớn".** D. "Đi chậm lại".

**Câu 4:** Tổ hợp từ nào không là cụm danh từ?

A. Một buổi chiều. B. Nhà lão Miệng.

C. Trung thu ấy. **D. Rất tuyệt vời.**

**Câu 5:** Cho câu sau: ***“Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng”*** có mấy cụm danh từ?

A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

**Câu 6:** Tìm cụm danh từ, cụm nào đủ cấu trúc ba phần

**A. Một em học sinh lớp 6** B. Tất cả lớp

C. Con trâu D. Cô gái mắt biếc

**Câu 7:** Trong các cụm danh từ sau, cụm danh từ nào chỉ có thành phần trung tâm và phụ sau

A. Các bạn học sinh B. Hoa hồng

**C. Chàng trai khôi ngô** D. Chiếc thuyền buồm khổng lồ màu đỏ

**Câu 8:** Trong cụm danh từ "mọi phép thần thông", từ nào là từ trung tâm?

A. Mọi. B. Thần thông. C. Thần. **D. Phép.**

**Câu 9:** Cụm danh từ nào có đủ cấu trúc ba phần?

**A. Tất cả các bạn học sinh lớp 6.** B. Chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo.

C. Một lưỡi búa. D. Chàng trai khôi ngô tuấn tú ấy

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **ĐA** | **D** | **D** | **C** | **D** | **B** | **A** | **C** | **D** | **A** |

**CỤM ĐỘNG TỪ**

**Câu 1:** Dòng nào không nêu đúng các đặc điểm của động từ?

A. Động từ thường làm vị ngữ trong câu.

B. Có khả năng kết hợp với các từ như: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, chớ.

**C. Thường làm thành phần phụ trong câu.**

D. Thường dùng chỉ hành động, trạng thái của sự vật.

**Câu 2:** Động từ là những từ không trả lời cho câu hỏi nào sau đây?

**A. Cái gì?** B. Làm gì?C. Thế nào? D. Làm sao?

**Câu 3:** Thành phần trung tâm của cụm động từ “còn đang nô đùa trên bãi biển” là gì?

A. Còn đang **B. Nô đùa** C. Trên D. Bãi biển

**Câu 4:** Nhóm động từ nào cần động từ khác đi kèm phía sau?

**A. Định, toan, dám, đừng** B. Buồn, đau, ghét, nhớ

C. Chạy, đi, cười, đọc D. Thêu, may, khâu, đan

**Câu 5:** Trong cụm động từ, các phụ ngữ ở phần phụ trước không có tác dụng bổ sung cho động từ các ý nghĩa nào?

A. Quan hệ thời gian B. Sự tiếp diễn tương tự

C. Sự khẳng định hoặc phủ định hành động **D. Chỉ cách thức hành động**

**Câu 6:**  Câu nào không chứa động từ?

A. Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.

B. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ có số bạc ấy mà bà mới sống qua được.

**C. Đôi càng tôi mẫm bóng.**

D. Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.

**Câu 7:**  Phần phụ sau cụm động từ bổ sung ý nghĩa nào cho động từ?

A. Chỉ nguyên nhân, mục đích B. Chỉ không gian

C. Chỉ thời gian, địa điểm **D. Cả 3 đáp án trên**

**Câu 8:** Cụm động từ có cấu tạo gồm mấy phần?

A. Gồm 2 phần B. Gồm 3 phần

**C. Có thể gồm 2 phần hoặc 3 phần** D. Trên 4 phần

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **C** | **A** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **C** |

**CỤM TÍNH TỪ**

**Câu 1:** Tính từ là gì?

A. Tính từ là từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái

B. Có thể trực tiếp làm vị ngữ

C. Có thể kết hợp với các từ đã, sẽ, đang, sẽ, không, chưa, chẳng…

**D. Cả 3 đáp án trên**

**Câu 2:** Cụm tính từ thường đảm nhận chức vụ gì trong câu?

**A. Vị ngữ trong câu** B. Chủ ngữ trong câu

C. Trạng ngữ trong câu D. Bổ ngữ trong câu

**Câu 3:** Từ nào dưới đây không phải là tính từ?

A. Tươi tốt **B. Làm việc** C. Cần mẫn D. Dũng cảm

**Câu 4:** Cụm tính từ nào có đầy đủ cấu trúc ba thành phần?

A. Xinh đẹp bội phần. **B. Còn đẹp lắm.**

C. Vẫn duyên dáng. D. Rất chăm chỉ.

**Câu 5:** Phát biểu nào không đúng với đặc điểm của tính từ?

**A. Tính từ không thể làm chủ ngữ trong câu.**

B. Tính từ có thể làm vị ngữ trong câu.

C. Tính từ có hai loại đáng chú ý là: Tính từ chỉ đặc điểm tương đối và Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối.

D. Tính từ có thể kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn... để tạo thành cụm tính từ.

**Câu 6:**  Tổ hợp từ nào là cụm tính từ?

A. Quả hồng xiêm ngọt lịm. B. Bỏ học về nhà chơi.

**C. Rất chuyên cần.** D. Đang ngồi dệt cửi.

**Câu 7:** Cho đoạn văn sau: ***“Lúc đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi lên từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.”***

Có mấy tính từ trong đoạn trích trên?

A. 4 **B. 5** C. 6 D. 7

**Câu 8:** Tìm cụm tính từ có đầy đủ cấu trúc ba phần?

A. Vẫn còn khỏe mạnh lắm **B. Rất chăm chỉ làm việc**

C. Còn trẻ khỏe D . Đang vui như hội

**Câu 9:**  Tìm cụm tính từ được sử dụng trong câu sau: “Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát có vẻ vui lắm.”

A. Vui vẻ chạy đi B. Vừa làm vừa hát

**C. Vui lắm** D. Không có cụm tính từ

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **ĐA** | **D** | **A** | **B** | **B** | **A** | **C** | **B** | **B** | **C** |